

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH  
V/v báo cáo việc thực hiện  
chính sách, pháp luật về THTK,  
CLP trong quản lý, sử dụng  
TSNN giai đoạn 2016 - 2021

*Bình Định, ngày tháng năm 2022*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 14865/BTC-QLCS ngày 27/12/2021 của Bộ Tài chính về việc báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP trong quản lý, sử dụng TSNN giai đoạn 2016 – 2021 theo yêu cầu của Đoàn giám sát Quốc hội; UBND tỉnh Bình Định đã triển khai thực hiện, tổng hợp các nội dung và số liệu báo cáo theo các phụ lục chi tiết gửi kèm theo Công văn này.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Cục QLCS;
- CT, PCT Ng. Tự Công Hoàng;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, K17.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**

## PHỤ LỤC

# BÁO CÁO VỀ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2021

(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày /01/2022 của UBND tỉnh Bình Định)

## A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT THTK, CLP TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

### I. Tình hình triển khai thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành

1. Về việc phổ biến, tập huấn Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

- Không tổ chức
- Có tổ chức

*Các hình thức thực hiện, đối tượng phổ biến, tập huấn:*

+ Hình thức thực hiện: UBND tỉnh Bình Định đã có Văn bản số 1340/UBND-TH ngày 23/3/2018 về việc chủ trương tổ chức Hội nghị phổ biến Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trên địa bàn tỉnh. Theo đó, ngày 02/4/2018, Sở Tài chính tổ chức hội nghị phổ biến Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trên địa bàn tỉnh.

+ Chủ trì hội nghị: Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh.

+ Đối tượng phổ biến: Đại diện Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các hội, đoàn thể tỉnh; Thủ trưởng và cán bộ phụ trách theo dõi, quản lý tài sản công tại các sở, ban, ngành của tỉnh; Thành viên, Thư ký Hội đồng Phối hợp Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh; Báo cáo viên pháp luật của tỉnh; đại diện lãnh đạo UBND; Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố.

2. Về việc rà soát để sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ, cơ quan trung ương, địa phương ban hành liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

- Chưa rà soát
- Đã rà soát

+ Số lượng văn bản quy phạm pháp luật do địa phương đã ban hành liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công: 16 văn bản.

+ Số lượng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công cần phải sửa đổi, bổ sung, thay thế: 04 văn bản (Sở Tài chính đang tham mưu, trình UBND tỉnh).

- Đã ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế

*Số lượng văn bản đã ban hành, số, ngày, trích yếu của từng văn bản:*

+ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài

sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 64/2019/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều khoản tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh;

+ Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 87/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh Bình Định bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Bình Định Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh Bình Định Quy định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định 59/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định.

3. Về việc ban hành quy định phân cấp quản lý tài sản tại Bộ, cơ quan trung ương, địa phương theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP:

- Đã ban hành

Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định và Quyết định số 64/2019/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều khoản tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh.

- Chưa ban hành

4. Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg:

a) Quy định về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng:

- Đã ban hành

+ Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

- Chưa ban hành

b) Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế:

- Đã ban hành

Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

- Chưa ban hành

c) Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo:

- Đã ban hành

Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

- Chưa ban hành

d) Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực khác:

- Đã ban hành

Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

- Chưa ban hành

5. Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP:

a) Quy định về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp:

- Đã ban hành

Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

- Chưa ban hành

b) Quy định về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp trong lĩnh vực y tế:

- Đã ban hành

- Chưa ban hành

UBND tỉnh đang chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu ban hành phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp trong lĩnh vực y tế.

c) Quy định về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo:

- Đã ban hành

- Chưa ban hành

UBND tỉnh đang chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu ban hành phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

d) Quy định về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp trong lĩnh vực khác:

- Đã ban hành

Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

- Chưa ban hành

6. Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP:

a) Quy định về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế:

- Đã ban hành

- Chưa ban hành

Hiện nay, Sở Y tế đang hoàn thiện dự thảo Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định để trình UBND tỉnh xin ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh.

b) Quy định về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng đối với các loại xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP:

- Đã ban hành

+ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh Bình Định bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Chưa ban hành

c) Quy định về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng đối với xe ô tô chuyên dùng khác theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP:

- Đã ban hành
- Chưa ban hành

Địa phương có Công văn số 7776/UBND-TH ngày 20/12/2019 gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị phê duyệt quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Thực hiện ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 4686/BTC-QLCS ngày 17/4/2020 về việc cung cấp bổ sung thông tin và hồ sơ để Bộ Tài chính có cơ sở tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ về nội dung nêu trên, UBND tỉnh đã có Công văn số 2560/UBND-TH ngày 22/4/2020 chỉ đạo Sở Tài chính và các cơ quan có rà soát, thực hiện ý kiến của Bộ Tài chính. Theo đó, Sở Tài chính đã có Công văn số 1138/STC-QLGCS ngày 28/4/2020 và Công văn số 3108/STC-QLGCS ngày 18/10/2021 đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo thuyết minh các nội dung liên quan tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Ngày 09/9/2021, Bộ Tài chính có Công văn số 10337/BTC-QLCS hướng dẫn xác định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của tỉnh Bình Định. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính và tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã có Văn bản số 394/UBND-TH ngày 20/01/2022 báo cáo Bộ Tài chính đối với nội dung nêu trên.

7. Về việc rà soát danh mục mua sắm tập trung của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương để ban hành, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp:

- Đã rà soát
- Đã ban hành danh mục sửa đổi, bổ sung, thay thế

Hiện nay, danh mục mua sắm tập trung và đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của UBND tỉnh Bình Định (thay thế Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của UBND tỉnh Bình Định; Quyết định số 3961/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 của UBND tỉnh Bình Định và Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh Bình Định).

Thực hiện Văn bản số 12661/BTC-QLCS ngày 05/11/2021 của Bộ Tài chính, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục rà soát để ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Định thay thế Quyết định số 1567/QĐ-UBND nhằm đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế.

- Chưa thực hiện

8. Về việc ban hành quy định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tài sản có giá trị lớn để phân định thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê:

- Đã ban hành

Quyết định số 81/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định tài sản công có giá trị lớn sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

- Chưa ban hành

9. Về việc ban hành quy định phân cấp quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

- Đã ban hành

Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

- Chưa ban hành

10. Về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP:

- Đã ban hành

- Chưa ban hành

Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Bình Định Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bình Định.

11. Về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Nghị định số 43/2018/NĐ-CP (**chỉ áp dụng cho Bộ Giao thông vận tải**):

- Đã ban hành

(*Nêu số, ngày, trích yếu văn bản quy định*)

- Chưa ban hành

(*Nêu rõ tiến độ đã thực hiện: Chưa thực hiện; Đang xây dựng dự thảo; Đang xin ý kiến tham gia; Đang trình cấp có thẩm quyền....*)

12. Về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại Nghị định số 44/2018/NĐ-CP (**chỉ áp dụng cho Bộ Giao thông vận tải**):

- Đã ban hành

(*Nêu số, ngày, trích yếu văn bản quy định*)

- Chưa ban hành

(*Nêu rõ tiến độ đã thực hiện: Chưa thực hiện; Đang xây dựng dự thảo; Đang xin ý kiến tham gia; Đang trình cấp có thẩm quyền....*)

13. Về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP (**chỉ áp dụng cho Bộ Giao thông vận tải và các địa phương**):



- Đã ban hành

- Chưa ban hành

Tiến độ đã thực hiện: Đang xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện

14. Về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP **(chỉ áp dụng cho Bộ Giao thông vận tải)**:

- Đã ban hành

(Nêu số, ngày, trích yếu văn bản quy định)

- Chưa ban hành

(Nêu rõ tiến độ đã thực hiện: Chưa thực hiện; Đang xây dựng dự thảo; Đang xin ý kiến tham gia; Đang trình cấp có thẩm quyền....)

15. Về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại Nghị định số 33/2019/NĐ-CP **(chỉ áp dụng cho Bộ Giao thông vận tải và các địa phương)**:

- Đã ban hành

- Chưa ban hành

Tiến độ đã thực hiện: Đang xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện

16. Về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP **(chỉ áp dụng cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương)**:

- Đã ban hành

- Chưa ban hành

Quyết định số 87/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

17. Về việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa hiện có thuộc phạm vi quản lý của địa phương để thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP **(chỉ áp dụng cho các địa phương)**:

- Đã thực hiện

- Chưa thực hiện

Lý do chưa thực hiện: Các tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa chưa hình thành.

18. Về việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hiện có thuộc phạm vi quản lý của địa phương để thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác theo quy định tại Nghị định số 33/2019/NĐ-CP:

- Đã thực hiện

- Chưa thực hiện

Thực hiện Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác Phần mềm tổng hợp số liệu, kiểm kê tài sản hạ tầng giao thông đường bộ; theo đó, Sở Giao thông vận tải đã thực hiện việc rà soát, cập nhật số liệu tài sản hạ tầng giao thông đường bộ vào phần mềm và đã được Sở Tài chính duyệt thông tin đưa vào cơ sở dữ liệu.

19. Về việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, hàng không, đường sắt quốc gia thuộc phạm vi quản lý của trung ương để thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác theo quy định tại các Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018, số 44/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018, số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ (**chỉ áp dụng cho Bộ Giao thông vận tải**)

- Đã thực hiện

(*Nêu rõ kết quả thực hiện*)

- Chưa thực hiện

(*Nêu rõ lý do chưa thực hiện*)

## **II. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước**

1. Việc tuân thủ các quy định của pháp luật về thẩm quyền, quy trình, thủ tục, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước.

### 1.1. Về việc mua sắm tài sản

- Năm 2016 - 2017: Việc mua sắm tài sản nhà nước được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và văn bản hướng dẫn mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2016, 2017 của Bộ Tài chính tại Văn bản số 2304/BTC-QLCS ngày 19/02/2016, Văn bản số 2676/BTC-QLCS ngày 28/02/2017. Đồng thời, thực hiện việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức mua sắm tập trung theo Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Năm 2018 - 2019: Việc mua sắm tài sản nhà nước được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Công văn số 1690/BTC-QLCS ngày 09/02/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn mua xe ô tô của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định và Công văn số 2850/BTC-QLCS ngày 14/3/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước. Ngoài ra, việc mua sắm tài sản nhà nước thực hiện theo phương thức mua sắm tập trung quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Năm 2020 - 2021: Việc mua sắm tài sản nhà nước được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày

31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. Đồng thời, tiếp tục thực hiện việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức mua sắm tập trung quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. Đến thời điểm hiện nay, toàn tỉnh có 03 cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện mua sắm tập trung gồm: Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

## 1.2. Về việc quản lý và sử dụng tài sản công

- Năm 2016 - 2017: Việc trang bị phương tiện đi lại và phương tiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan khối Đảng, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 và Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Các phương tiện đi lại và thiết bị làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực nhà nước được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác chuyên môn; không sử dụng vào mục đích cá nhân; được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và kiểm kê vào thời điểm cuối năm dựa trên Quy chế sử dụng tài sản công được các cơ quan, đơn vị xây dựng hàng năm.

- Năm 2018 - 2021: Việc phân cấp quản lý và sử dụng tài sản công thực hiện theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Bình Định. Căn cứ quy định nêu trên, các cơ quan, đơn vị đã thực hiện quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm.

Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh đã nghiêm túc thực hiện việc gửi các thông tin theo quy định đến Bộ Tài chính để đăng tải trên Trang thông tin điện tử về tài sản công theo yêu cầu tại Công văn số 12006/BTC-QLCS ngày 02/10/2018 của Bộ Tài chính khi thực hiện bán tài sản công theo hình thức đấu giá, niêm yết giá; sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết; mua sắm tài sản theo phương thức tập trung.

2. Việc ban hành và thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước.

2.1. Việc ban hành các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước.

- Đã ban hành

- Chưa ban hành

*(Nêu rõ số lượng văn bản đã ban hành, số, ngày, trích yếu của từng văn bản; Nếu chưa ban hành, ghi rõ lý do)*

+ Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2016 của UBND tỉnh Ban hành một số chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

+ Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND tỉnh Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016.

+ Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND tỉnh Ban hành một số chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017.

+ Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017.

+ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Ban hành một số chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.

+ Công văn số 1610/UBND-TH ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh Mua sắm tài sản công từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2018.

+ Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018.

+ Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh Ban hành một số chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

+ Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 của UBND tỉnh Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019.

+ Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh Ban hành một số chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

+ Quyết định số 479a/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020.

+ Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của UBND tỉnh Ban hành một số chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

+ Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND tỉnh Về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021.

2.2. Tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước (*Phụ lục 5*)

3. Tình hình mua sắm phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước (*Phụ lục 6*)

4. Tình hình bán, thanh lý tài sản là phương tiện đi lại, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức (*Phụ lục 7*)

### **III. THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; công trình phúc lợi công cộng**

1. Việc tuân thủ các quy định về đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chế độ, quy trình, thủ tục, thẩm quyền xem xét, quyết định trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; công trình phúc lợi công cộng.

Địa phương đã tiến hành triển khai thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, cụ thể: UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định: số 4787/QĐ-UBND ngày 28/12/2018, số 5018/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 và số 555/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn.

Các trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trên địa bàn tỉnh được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả; định kỳ thực hiện bảo trì, bảo dưỡng nhằm duy trì công năng sử dụng của tài sản. Các công trình phúc lợi công cộng được đầu tư xây dựng đồng bộ, đáp ứng nhu cầu giải trí, văn hóa cho người dân trên địa bàn tỉnh.

2. Việc ban hành các mục tiêu, tiêu chí THPTK,CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà, đất công vụ; công trình phúc lợi công cộng.

- Đã ban hành

- Chưa ban hành

*(Nêu rõ số lượng văn bản đã ban hành, số, ngày, trích yếu của từng văn bản; Nếu chưa ban hành, ghi rõ lý do)*

+ Quyết định số 4787/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bình Định Về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (đợt 1).

+ Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND tỉnh Bình Định Về việc tiếp tục sử dụng đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý.

+ Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định Về việc thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4787/QĐ-UBND ngày 28/12/2018.

+ Quyết định số 4151/QĐ-UBND ngày 07/11/2019 của UBND tỉnh Bình Định Về việc thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4787/QĐ-UBND ngày 28/12/2018.

+ Quyết định số 5018/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định Về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh (đợt 2).

3. Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; công trình phúc lợi công cộng (*Phụ lục 8*)

4. Việc đầu tư xây dựng khu hành chính tập trung: Ở địa phương không đầu tư xây dựng khu hành chính tập trung nên không có số liệu để báo cáo.

### **IV. THPTK, CLP trong sắp xếp lại, xử lý tài sản công**

## 1. Tình hình sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Số cơ sở nhà đất được phê duyệt phương án sắp xếp	0	0	3.033	54	03	0
Tổng diện tích đất (m <sup>2</sup> )	0	0	12.602.111,5	112.255,6	498,1	0
Tổng diện tích nhà (m <sup>2</sup> )	0	0	2.199.194,4	47.009,4	710,1	0

- Chi tiết kết quả phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (*Phụ lục 1*)

- Tình hình bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*Phụ lục 2*)

- Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất: Tính đến thời điểm hiện nay, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại các Quyết định: số 4787/QĐ-UBND ngày 28/12/2018, số 5018/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 và số 555/QĐ-UBND ngày 24/02/2020; trong đó cơ sở nhà, đất được xử lý theo các hình thức như giữ lại tiếp tục sử dụng; thu hồi; điều chuyển; bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý. Theo đó, không có cơ sở nhà, đất nào được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt hình thức xử lý chuyển mục đích sử dụng đất nên không có số liệu để báo cáo theo Phụ lục 3 của Bộ Tài chính tại Văn bản số 14865/BTC-QLCS ngày 27/12/2021.

## 2. Tình hình sắp xếp lại, xử lý xe ô tô:

## 2.1. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô theo Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg

Loại xe ô tô	TCĐM theo quy định tại Quyết định 32/2015/QĐ-TTg	Số lượng tại thời điểm 01/01/2016	Số xe ô tô thừa (+)/ (-) thiếu so với TCĐM	Số lượng xe ô tô dôi dư đã xử lý từ 01/01/2016 đến 31/12/2018				Số tiền thu được từ xử lý xe ô tô dôi dư
				Bán, thanh lý	Điều chuyển	Thu hồi	Khác	
Xe ô tô chức danh	3	4	1					
Xe ô tô phục vụ công tác chung	205	194	-11					
Xe ô tô chuyên dùng	472*	249						

Ghi chú:

(\*): Tiêu chuẩn, định mức này bao gồm xe chuyên dùng y tế, chưa bao gồm tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của các cơ sở đào tạo, sửa chữa xe ô tô, dạy nghề lái xe.

## 2.2. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP

Loại xe ô tô	TCĐM theo quy định tại Nghị định 04/2019/NĐ-CP	Số lượng tại thời điểm 01/01/2019	Số xe ô tô thừa (+)/ (-) thiếu so với TCĐM	Số lượng xe ô tô dôi dư đã xử lý từ 01/01/2019 đến 31/12/2021				Số tiền thu được từ xử lý xe ô tô dôi dư (triệu đồng)
				Bán, thanh lý	Điều chuyển	Thu hồi	Khác	
Xe ô tô chức danh	3	3	0					
Xe ô tô phục vụ công tác chung	88	164	76	54	10	0	12	
Xe ô tô chuyên dùng	383*	285**						

### Ghi chú:

(\*): Tiêu chuẩn, định mức này chưa bao gồm tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế; tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của các cơ sở đào tạo, sửa chữa xe ô tô, dạy nghề lái xe; dự kiến tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù.

(\*\*): Số lượng xe này bao gồm xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế; xe ô tô chuyên dùng của các cơ sở đào tạo, sửa chữa xe ô tô, dạy nghề lái xe; các xe ô tô dôi dư dự kiến bố trí xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù.

Đối với việc rà soát, sắp xếp lại xe ô tô chuyên dùng trên địa bàn tỉnh: Hiện nay địa phương vẫn đang chờ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ; đồng thời, địa phương chưa ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế theo Thông tư số 7/2020/TT-BYT ngày 14/5/2020 của Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế nên vẫn chưa thể thực hiện được việc rà soát, sắp xếp lại xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ. Do đó, việc rà soát, sắp xếp lại xe ô tô chuyên dùng sẽ được địa phương triển khai thực hiện sau khi địa phương ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế và xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù.

### 3. Đánh giá việc tổ chức xử lý tài sản công

- Việc tổ chức xử lý tài sản công bảo đảm đúng pháp luật, công khai, minh bạch, không để xảy ra tình trạng lãng phí, thất thoát tài sản công.

- Việc triển khai thực hiện mua sắm tài sản tập trung hiện nay đã đi vào nề nếp, đảm bảo chất lượng sản phẩm và góp phần tiết kiệm cho ngân sách nhà nước.

- Việc đấu giá khi bán, chuyển nhượng tài sản công bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; công khai minh bạch.

- Các trường hợp sai phạm, thất thoát trong tổ chức xử lý tài sản công được phát hiện thông qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra: Không

## **V. THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng**

Hiện nay địa phương chưa khai thác, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (*chi tiết theo Phụ lục 4*)

## **VI. THPTK, CLP trong cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết tài sản công**

### **1. Tình hình kết quả cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết tài sản công**

1.1. Tình hình sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết trước ngày Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2018)

a) Tổng số ĐVSNCL đang sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại thời điểm 31/12/2017

- Tổng số ĐVSNCL đang sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê tại thời điểm 31/12/2017

+ Số lượng: 20 đơn vị

+ Nguyên giá: 101.442.093 nghìn đồng

+ Giá trị còn lại: 75.142.080 nghìn đồng

- Tổng số ĐVSNCL đang sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết tại thời điểm 31/12/2017

+ Số lượng: 01 đơn vị

+ Nguyên giá: 1.397.785 nghìn đồng

+ Giá trị còn lại: 0 đồng

1.2. Tình hình sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết từ ngày 01/01/2018 đến nay

a) Tổng số Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết do đơn vị lập: 25 đề án (các đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê).

b) Tình hình thẩm định Đề án của cơ quan quản lý tài sản công

- Tổng số Đề án đã thẩm định: 25 đề án.

- Số Đề án được thống nhất ngay để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt: 10 đề án.

- Số Đề án cần phải hoàn thiện trước khi báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt: 14 đề án; trong đó: số Đề án cần hoàn thiện về phương án tài chính là 13 đề án.

c) Tình hình phê duyệt Đề án của cấp có thẩm quyền:

- Tổng số Đề án đã trình: 25 đề án; trong đó:

+ Số Đề án đã được phê duyệt: 24 đề án.

+ Số Đề án chưa được phê duyệt: 01 đề án.

Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan đăng tải công khai tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết năm 2020 trên cổng thông tin điện tử của tỉnh theo Mẫu 10d-CK/TSC quy định tại điểm b



khoản 4 Điều 123 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và điểm d khoản 2 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

## **2. Việc chấm dứt, thu hồi tài sản công sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định**

Số lượng ĐVSNCL; số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản phải chấm dứt việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

- Số lượng: 10 đơn vị
- Nguyên giá: 686.894.980 nghìn đồng; trong đó:
  - + Nguyên giá tài sản cho thuê: 6.161.040 nghìn đồng
  - + Nguyên giá tài sản liên doanh, liên kết: 680.733.940 nghìn đồng
- Giá trị còn lại: 5.378.874 nghìn đồng trong đó:
  - + Giá trị còn lại tài sản cho thuê: 5.378.874 nghìn đồng
  - + Giá trị còn lại tài sản liên doanh, liên kết: 0 đồng

## **VII. THTK, CLP trong xử lý tài sản các dự án sử dụng vốn nhà nước sau khi dự án kết thúc**

1. Tổng số dự án sử dụng vốn nhà nước kết thúc trong giai đoạn 2016 - 2021: 95 dự án, trong đó:

- Số dự án đã hoàn thành việc xử lý tài sản: 90 dự án
- Số dự án chưa hoàn thành việc xử lý tài sản: 05 dự án

2. Tình hình xử lý tài sản dự án sử dụng vốn nhà nước kết thúc giai đoạn 2016 - 2021 (có Phụ lục 9 kèm theo)

### **B. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Kết quả đạt được**

- Về công tác mua sắm tập trung: Từ ngày 01/7/2016 thời điểm triển khai mua sắm tập trung, đến ngày 31/12/2021, các cơ quan được giao nhiệm vụ đã đấu thầu mua sắm tập trung 184 gói thầu (chưa kể đấu thầu mua sắm tập trung thuốc chữa bệnh) với tổng giá trị dự toán được duyệt là 1.196,84 tỷ đồng, tổng giá trị trúng thầu là 1.058,99 tỷ đồng, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước là 137,85 tỷ đồng, tương đương mức giảm là 11,52% so với dự toán mua sắm do các đơn vị sử dụng tài sản lập.

- Về sắp xếp lại, xử lý xe ô tô: UBND tỉnh đã ban hành các văn bản: Công văn số 910/UBND-TH ngày 20/02/2020; Công văn số 4602/UBND-TH ngày 14/7/2020 và Công văn số 1234/UBND-TH ngày 10/3/2021 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện việc sắp xếp, xử lý xe ô tô phục vụ chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung. Qua quá trình sắp xếp, xử lý đến nay toàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành, chỉ còn 02 xe ô tô phục vụ công tác chung dôi dư vẫn chưa được đề xuất xử lý theo quy định (xe ô tô của Liên minh hợp tác xã và Hội chữ thập đỏ tỉnh). Đồng thời, UBND tỉnh đã có Văn bản số 7632/UBND-TH ngày 30/11/2021 và Văn bản số 7815/UBND-TH ngày 08/12/2021 chỉ đạo 02 đơn vị này khẩn trương xử lý đối với 02 xe ô tô phục vụ công tác chung dôi dư tại đơn vị.

- Về việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết:

+ Thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, các đơn vị sự nghiệp công lập đã chủ động trong nghiên cứu quy định của pháp luật, lập đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Tăng thêm nguồn thu sự nghiệp để giảm bớt gánh nặng từ ngân sách nhà nước, góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước từ nghĩa vụ nộp thuế.

+ Tránh lãng phí tài sản công do chưa sử dụng hết công suất, khai thác một cách có hiệu quả tài sản hiện có mà không ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao. Nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng tài sản công của Nhà nước, từng bước thực hiện lộ trình tự chủ về mặt tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, giảm chi phí đầu tư của Nhà nước, tăng tính chủ động trong việc quản lý sử dụng các công trình cơ sở vật chất tại đơn vị.

+ Đơn vị đã thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng tài sản công, đảm bảo đúng quy định, đúng mục đích, đúng công năng, phát huy hiệu quả của tài sản hiện có. Không để xảy ra hiện tượng lấn chiếm, lãng phí tài sản và không ảnh hưởng đến các nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị. Tài sản cho thuê đã phát huy hiệu quả kinh tế, tăng nguồn thu, hỗ trợ cho các hoạt động chuyên môn, đầu tư sửa chữa, mua sắm tài sản trong đơn vị.

Nhìn chung, công tác quản lý, sử dụng tài sản công kể từ khi có Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã được các cấp, các ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm triển khai thực hiện; nhận thức và thực tiễn thực hiện có những chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu phòng, chống tham nhũng, lãng phí, nâng cao hiệu quả trong quản lý, sử dụng tài sản công.

## **2. Các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

- Về công tác mua sắm tập trung: Việc mua sắm tập trung hiện nay đã đi vào nề nếp nhưng vẫn còn gặp một số khó khăn nhất định như dự toán mua sắm đã được giao, phân bổ ngay từ đầu năm nhưng vẫn còn một số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực sự chủ động trong việc rà soát dự toán, đăng ký nhu cầu mua sắm tập trung, thời gian gửi đăng ký mua sắm tập trung kéo dài đến cuối năm dẫn đến khó khăn trong việc tổng hợp, tổ chức đấu thầu để cung cấp hàng hoá kịp thời cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Ngoài ra, cá biệt có một số đơn vị phê duyệt dự toán mua sắm hàng hoá thấp hơn so với mặt bằng chung của giá bán hàng hoá có đặc tính, thông số kỹ thuật tương đương trên thị trường, điều này dẫn đến mất thời gian trong khâu tổng hợp, hoàn thiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Về báo cáo rà soát, sắp xếp lại xe ô tô chuyên dùng trên địa bàn tỉnh: Hiện nay địa phương vẫn đang chờ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ; đồng thời, địa phương chưa ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế theo Thông tư số 7/2020/TT-BYT ngày 14/5/2020 của Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế nên địa phương vẫn chưa thể thực hiện được việc rà soát, sắp xếp lại xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ. Do đó, việc rà soát,

sắp xếp lại xe ô tô chuyên dùng sẽ được triển khai thực hiện sau khi địa phương ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế và xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù.

- Về việc cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết tài sản công:

+ Qua thẩm định một số đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê trong lĩnh vực y tế có một số vướng mắc như sau: Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế thì tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ không có quy định về việc cho thuê làm quầy bán hàng tạp hóa (bán các vật dụng thiết yếu cho bệnh nhân, người thân, người nhà bệnh nhân khi cần mua sắm như khăn lau mặt, giấy vệ sinh, kem đánh răng...), cho thuê đặt các trụ ATM tại các bệnh viện trong khi nhu cầu thực tế của địa phương để phục vụ bệnh nhân và người nhà là có. Do đó, việc đề nghị của các Bệnh viện cho thuê tài sản để làm quầy bán hàng tạp hóa và đặt trụ ATM là cần thiết, phù hợp với nhu cầu thực tế. Tuy nhiên, việc cho thuê tài sản vào mục đích trên chưa được quy định rõ ràng, cụ thể tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

+ Hệ thống văn bản pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công còn chưa đầy đủ. Một số loại tài sản hoặc lĩnh vực còn thiếu các văn bản để điều chỉnh làm cơ sở tổ chức thực hiện như: việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công để lắp đặt máy ATM, trạm thu phát tín hiệu BTS, đặt tấm pin năng lượng mặt trời,... chưa được quy định cụ thể.

+ Cơ chế phân cấp quản lý tài sản công còn có điểm chưa hợp lý như tập trung nhiều thẩm quyền cho cơ quan quản lý cấp trên; chưa thực sự đảm bảo nguyên tắc tự quyết định, tự chịu trách nhiệm do có một số nội dung còn phải xin ý kiến thỏa thuận hoặc thẩm định của các cơ quan (như: việc sử dụng tài sản công để cho thuê, liên doanh, liên kết; việc mua sắm tài sản công tại một số bộ, ngành, địa phương,...), dẫn tới thủ tục hành chính phức tạp, kéo dài.

### **C. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

- Những vướng mắc liên quan đến việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết nêu tại khoản 2 Mục B, UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 để có cơ sở áp dụng vào tình hình thực tế tại địa phương.

- Việc thực hiện phân cấp thẩm quyền phê duyệt đề án giúp các đơn vị triển khai thực hiện kịp thời, tránh những thủ tục hành chính phải kéo dài thời gian (nhất là đối với các đơn vị sự nghiệp sử dụng tài sản cho thuê có giá trị nhỏ và thời gian cho thuê ngắn hạn, dưới 15 ngày hoặc từ 15 ngày trở lên nhưng không liên tục). Đồng thời, việc phân cấp quản lý tài sản công cần được phân cấp mạnh hơn nữa, tạo điều kiện cho các bộ, ngành, địa phương có thẩm quyền quyết định phương án sắp xếp, xử lý tài sản công ở đơn vị, địa phương mình và cần có văn bản hướng dẫn quy định cụ thể. Do đó, UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tùy thuộc vào nhu cầu quản lý và tình hình thực tế của mỗi Bộ, ngành, địa phương.

- Hiện nay địa phương có khó khăn, vướng mắc trong việc lập, thẩm định, phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo Mẫu số 02/TSC-ĐA ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, kính đề nghị Bộ Tài chính tổ chức tập huấn để hướng dẫn rõ hơn về việc lập, thẩm định, phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết và thời gian tối đa thực hiện Đề án.

- Về việc quản lý, sử dụng phần mềm quản lý tài sản công: Ngày 13/01/2022, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 480/BTC-QLCS về việc triển khai hệ thống Phần mềm thuộc Dự án “Nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công” gồm Phần mềm Quản lý tài sản công và Kho cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; trong đó: Bộ Tài chính đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

Hiện nay, Bộ Tài chính chỉ cấp phép duy nhất 01 user cho Sở Tài chính để quản lý, sử dụng Phần mềm Quản lý tài sản công. Trong khi đó, Phần mềm Quản lý tài sản công mới được nâng cấp theo dõi toàn bộ tài sản công gồm nhà, đất, xe ô tô, phương tiện khác, máy móc thiết bị, kê cả công cụ dụng cụ, tài sản xác lập sở hữu toàn dân, tài sản kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết,...của toàn tỉnh nên nếu không có sự phân cấp việc nhập, duyệt dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thì sẽ rất khó khăn. Do đó, UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Tài chính sớm có Thông tư quy định cụ thể việc phân cấp cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và có hướng dẫn triển khai thực hiện.

Trên đây là các nội dung báo cáo về việc thực hiện chính sách, pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.



TÌNH HÌNH BÁN TÀI SẢN TRÊN ĐẤT, CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THEO QĐ09, NĐ167

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà, đất	Đất		Nhà		Thẩm quyền		Hình thức		Quyết định bán			Định giá bán TS trên đất, QSD đất				Kết quả thực hiện										Ghi chú								
		m <sup>2</sup>	Giá trị sổ sách	m <sup>2</sup>	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Thủ trưởng	Bộ Tài chính	Đầu giá	Chi định	Số	Ngày tháng năm	Người ký	Văn bản số, ngày, tháng	Giá trị	Đơn vị định giá	Số người mua hồ sơ	Số người tham dự	Giá khởi điểm	Củ nhân trúng đấu giá	Thời gian hoàn thành	Giá bán			Tổng số tiền phải thu (kể cả hỗ trợ)	Tổng số tiền đã thu được		Chi phí liên quan	Số để lại đơn vị			Số đã nộp NSNN	Số còn lại phải nộp NSNN		
																						Tổng số	TS trên đất	QSD đất					Tổng số	Thực hiện dự án đầu tư	Khác				
1	415 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn	101,3		399,5			X		X				3014/QĐ-UBND	27/08/2019	UBND tỉnh	4120/QĐ-UBND ngày 05/11/2019	9.844,69	Hội đồng thẩm định giá	27	27	9.844,69	Lê Thị Thủy Liễu; khu vực 8, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	30/12/2019	15.044,690	727,690	14.317,000	15.058,190	15.058,190	105,250				13.087,349		Hoàn trả người mua 1.865.591.000 đồng do thay đổi diện tích đất sau khi bàn giao
2	719 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn	121,7		183,1			X		X				3014/QĐ-UBND	27/08/2019	UBND tỉnh	4120/QĐ-UBND ngày 05/11/2019	7.468,76	Hội đồng thẩm định giá	8	8	7.468,76	Nguyễn Tấn Vinh; khu vực 8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	16/03/2020	8.968,758	166,758	8.802,000	8.972,758	8.972,758	53,450				8.919,308		
3	Căn phòng tầng 01 phía trước ngôi nhà số 34 đường Bà Triệu, thành phố Quy Nhơn	25		25			X		X				1703/QĐ-UBND	5/8/2020	UBND tỉnh	2413/QĐ-UBND ngày 19/6/2020	1.033,64	Hội đồng thẩm định giá	8	8	1.033,64	Nguyễn Thị Tuyết Mai; 36 đường Bà Triệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	11/5/2020	1.243,635	33,635	1.210,000	1.247,635	1.247,635	28,150				1.219,485		
4	124 Ngõ Mây, thành phố Quy Nhơn	107,2		209,1			X		X				3014/QĐ-UBND	27/08/2019	UBND tỉnh	4988/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	10.981,54	Công ty CP Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung Chi nhánh tại Bình Định	4	4	10.981,54	Nguyễn Diệu Thúy; KV6, phường Trần Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	22/01/2021	10.981,542	261,542	10.720,000	10.983,542	10.983,542	74,381				10.909,161		
5	131 Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn	156,2		481,6			X		X				448/QĐ-UBND	17/02/2020	UBND tỉnh	4989/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	13.513,44	Công ty CP Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung Chi nhánh tại Bình Định	2	2	13.513,44	Nguyễn Thanh Phong; 49 Nguyễn Cơ Thạch, phường An Lợi Đông, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	26/01/2021	13.513,440	705,040	12.808,400	13.514,440	13.514,440	71,225				13.443,215		
6	556 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn	375,84		375,84			X		X				1703/QĐ-UBND	5/8/2020	UBND tỉnh	4987/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	24.201,09	Công ty CP Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung Chi nhánh tại Bình Định	2	2	24.201,09	Nguyễn Thị Hồng; Khu vực 4, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	4/9/2021	24.928,089	523,169	24.404,920	24.929,089	24.929,089	91,810				24.837,279		
7	329 Bạch Đằng, thành phố Quy Nhơn	105,4		378,8			X		X				1703/QĐ-UBND	5/8/2020	UBND tỉnh	621/QĐ-UBND ngày 24/02/2021	5.358,04	Hội đồng thẩm định giá	2	2	5.358,04	Trần Thị Nhuận; xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	4/9/2021	5.358,038	509,638	4.848,400	5.359,038	5.359,038	55,950				5.303,088		
8	54 Bùi Thị Xuân, Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn	76,8		39,6			X		X				3720/QĐ-UBND	9/9/2020	UBND tỉnh	4776/QĐ-UBND ngày 20/11/2020	439,12	Hội đồng thẩm định giá	13	13	439,12	Phạm Thị Hoàng Anh; thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	2/3/2021	879,123	55,123	824,000	881,723	881,723	18,720				863,003		
9	70 Trần Cao Văn, thành phố Quy Nhơn	238,3		500			X		X				449/QĐ-UBND	17/02/2020	UBND tỉnh	4315/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	16.991,90	Công ty CP Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung Chi nhánh tại Bình Định	13	13	16.991,90	Võ Thị Kiều Oanh; Số 64 Trần Quý Cáp, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	29/4/2021	19.091,90	787,50	18.304,40	19.091,90	19.091,90	64,80				19.027,100		

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà, đất	Đất		Nhà		Thẩm quyền		Hình thức		Quyết định bán			Định giá bán TS trên đất, QSD đất		Kết quả thực hiện												Ghi chú							
		m <sup>2</sup>	Giá trị sổ sách	m <sup>2</sup>	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Thủ trưởng	Bộ Tài chính	Đầu giá	Chi định	Số	Ngày tháng năm	Người ký	Văn bản số, ngày, tháng	Giá trị	Đơn vị định giá	Số người mua hồ sơ	Số người tham dự	Giá khởi điểm	Cá nhân trúng đấu giá	Thời gian hoàn thành	Giá bán			Tổng số tiền phải thu (kể cả hỗ trợ)	Tổng số tiền đã thu được		Chi phí liên quan	Số để lại đơn vị		Số đã nộp NSNN	Số còn lại phải nộp NSNN		
																						Tổng số	TS trên đất	QSD đất					Tổng số	Thực hiện dự án đầu tư			Khác	
10	Trường mẫu giáo xóm 2 Thanh Long, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn	155,8		52,5			X		X			449/QĐ-UBND	17/02/2020	UBND tỉnh	4315/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	283,76	Công ty CP Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung Chi nhánh tại Bình Định	29	29	283,76	Nguyễn Quang Chiến; Khu vực Hoa Cư, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	29/4/2021	603,76	18,90	584,86	603,76	603,76	14,30				589,460		
11	Trường mẫu giáo xóm 1 Thanh Long, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn	237		62,5			X		X			449/QĐ-UBND	17/02/2020	UBND tỉnh	4315/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	892,00	Công ty CP Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung Chi nhánh tại Bình Định	23	23	892,00	Đặng Nguyễn Tâm; Khu vực 2, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	29/4/2021	1.372,00	62,50	1.309,50	1.372,00	150,00	16,10				133,900		Hãy kết quả đấu giá, thu tiền đất cọc do khách hàng không nộp tiền đúng thời hạn theo Hợp đồng
12	Trường mẫu giáo xóm 1 Long Thành, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn	409,5		47,5			X		X			449/QĐ-UBND	17/02/2020	UBND tỉnh	4315/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	590,40	Công ty CP Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung Chi nhánh tại Bình Định	31	31	590,40	Nguyễn Thị Tú Quyên; Xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	29/4/2021	965,40	17,10	948,30	965,40	965,40	10,00				955,400		
13	Đài THHT huyện Hoài Ân	749,84		391,98			X		X			1432/QĐ-UBND	20/4/2021	UBND tỉnh	1799/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	5.140,62	Công ty CP Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung Chi nhánh tại Bình Định	2	2	5.140,62	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; 108 Trần Hưng Đạo, phường Cửu Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	6/4/2021	5.140,62	4.552,60	588,02	5.141,62	5.141,62	73,37				5.068,245		
14	285 Quang Trung, thị xã Hoài Nhơn	75,4		61,95			X		X			3533/QĐ-UBND	26/8/2020	UBND tỉnh	1394/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	3.256,81	Công ty TNHH Thẩm định giá MHD	7	7	3.256,81	Nguyễn Duy Thuận; tổ 4, khu phố 2, phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	24/12/2021	6.774,43	80,16	6.694,27	6.777,93	6.777,93	62,24				6.715,692		

## TÌNH HÌNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO QĐ09, NĐ167

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2021

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà, đất	Diện tích		Mục đích sử dụng theo vb giao đất, cho thuê đất ban đầu	Văn bản phê duyệt phương án			Quyết định cho chuyển MĐSD			Kết quả thực hiện							Ghi chú				
		Đất (m <sup>2</sup> )	Nhà (m <sup>2</sup> )		Số	Ngày tháng năm	Mục đích sử dụng theo PA phê duyệt sắp xếp lại, xử lý	Số	Ngày tháng năm	MĐSD	Đơn vị hợp tác		Tên dự án	Tên đơn vị thực hiện dự án	Thời gian hoàn thành	Tiến độ thực hiện đến 31/12/2021	Tổng số tiền phải nộp		Số đã nộp NSNN	Số còn phải nộp NSNN		
											Tên, địa chỉ, trụ sở	Họ và tên người đại diện theo PL										

**Ghi chú:** Tính đến thời điểm hiện nay, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại các Quyết định: số 4787/QĐ-UBND ngày 28/12/2018, số 5018/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 và số 555/QĐ-UBND ngày 24/02/2020; trong đó cơ sở nhà, đất được xử lý theo các hình thức như giữ lại tiếp tục sử dụng; thu hồi; điều chuyển; bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý. Theo đó, không có cơ sở nhà, đất nào được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt hình thức xử lý chuyển mục đích sử dụng đất nên không có số liệu để báo cáo theo Phụ lục 3 của Bộ Tài chính tại Văn bản số 14865/BTC-QLCS ngày 27/12/2021.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG  
(Báo cáo chi tiết theo từng năm từ 2018-2021)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng	Tài sản (công trình) đầu tư mới bàn giao đưa vào sử dụng		Về bảo trì tài sản		Về khai thác tài sản (Tự khai thác/Cho thuê quyền khai thác/Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản/Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác/Khai thác quỹ đất, mặt nước/phương thức khác)					Về xử lý tài sản			Ghi chú (Văn bản quy phạm pháp luật áp dụng cho nội dung báo cáo/Nội dung khác)
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hình thức bảo trì	Chi phí bảo trì	Phương thức khai thác	Đầu giá/Đầu thầu	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	Số tiền được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích đầu tư	Hình thức xử lý (Thu hồi/Điều chuyển/Bán/Thanh lý/Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại/Hình thức xử lý khác)	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
<b>A</b>	<b>TSKCHT giao thông Đường bộ, đường sắt quốc gia, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không</b>													
<b>1</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>													
-	Năm 2018	8.560.300,079	7.532.794,564											
-	Năm 2019	8.660.519,457	7.373.130,982											
-	Năm 2020	8.690.228,762	7.142.066,047											
-	Năm 2021	8.809.929,404	7.142.066,047											
<b>2</b>	<b>UBND huyện Phù Cát</b>													
-	Tuyến đường BTXM vào nhà máy may Phù Cát (Tổng Công ty may Nhà Bè), đoạn từ nhà máy may Nhà Bè đến đường tỉnh lộ ĐT635 cũ	13.596.203												Quyết toán 2020
<b>B</b>	<b>TSKCHT Giáo dục và ĐT</b>													
<b>1</b>	<b>Hội Khuyến học</b>													
-	Năm 2018	59.500	52.062,5	Hợp đồng đơn vị cung cấp	600	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Năm 2019		44.625		600	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Năm 2020		37.187		600	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Năm 2021		26.600		600	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>UBND huyện Phù Cát</b>													
-	Trường Trung học cơ sở Cát Hải	7.821.381	6.569.960											
-	Trường Mẫu giáo Cát Nhơn	493.894	395.115											
-	Trường TH số 2 Cát Tài (ĐT Chánh Danh); hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	3.164.614	2.531.691											
-	Trường Tiểu học số 1 Ngô Máy, hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng, 06 phòng	2.453.093	2.354.969											
<b>C</b>	<b>TSKCHT Y tế</b>	<b>40.714.276</b>	<b>37.832.481</b>					<b>23.357.786</b>	<b>2.636.416</b>			<b>30.283</b>	<b>4.831</b>	
<b>1</b>	<b>Sở Y tế</b>													
	<b>Năm 2018</b>	<b>7.083.606</b>	<b>6.189.238</b>					<b>6.202.585</b>	<b>918.904</b>			<b>26.152</b>	<b>700</b>	
<b>I</b>	<b>Bệnh viện Đa khoa tỉnh</b>							<b>2.363.439</b>						
1	Khuôn viên sân bê tông (Khu nhà VTYT cũ) cho thuê làm dịch vụ Căn tin					Cho thuê	Đầu giá	981.525						
2	Nhà kỹ thuật nghiệp vụ (Nhà tiền chế diện tích 154 m2) cho thuê làm dịch vụ Tạp hóa					Cho thuê	Đầu giá	1.381.914						
<b>II</b>	<b>Bệnh viện ĐKKV Bông Sơn</b>							<b>985.080</b>				<b>700</b>	<b>700</b>	
1	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	853.080						
2	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	132.000						
3	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	-						
4	Nhà kho điện nước										Thanh lý	700	700	QĐ 2800/QĐ-SYT ngày 30/8/2018
<b>III</b>	<b>Bệnh viện Mắt</b>							<b>165.000</b>						
1	Mặt bằng nhà thuốc					Cho thuê	Đầu giá	108.000						
2	Mặt bằng giữ xe					Cho thuê	Đầu giá	36.000						
3	Mặt bằng quầy kính					Cho thuê	Đầu giá	21.000						

STT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng	Tài sản (công trình) đầu tư mới bàn giao đưa vào sử dụng		Về bảo trì tài sản		Về khai thác tài sản (Tự khai thác/Cho thuê quyền khai thác/Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản/Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác/Khai thác quỹ đất, mặt nước/phương thức khác)					Về xử lý tài sản			Ghi chú (Văn bản quy phạm pháp luật áp dụng cho nội dung báo cáo/Nội dung khác)
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hình thức bảo trì	Chi phí bảo trì	Phương thức khai thác	Đầu giá/Đầu thầu	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	Số tiền được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích đầu tư	Hình thức xử lý (Thu hồi/Điều chuyển/Bán/Thanh lý/Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại/Hình thức xử lý khác)	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
<b>IV</b>	<b>Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng</b>							64.114						
1	Nhà dinh dưỡng tại Bệnh viện Y học cổ truyền (cũ)					Cho thuê	Đầu giá	41.614						
2	Nhà giữ xe (mặt bằng khuôn viên sân bê tông)					Cho thuê	Đầu giá	22.500						
<b>V</b>	<b>Bệnh viện Lao và Bệnh phổi</b>							111.800						
1	Khoa Dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá							
2	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá							
<b>VI</b>	<b>Bệnh viện Tâm thần</b>							24.874						
1	Nhà khoa dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	18.874						
2	Nhà để xe					Cho thuê	Đầu giá	6.000						
<b>VII</b>	<b>TTYT thành phố Quy Nhơn</b>							903.100						
1	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	45.000						
2	Nhà dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	34.500						
3	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	24.000						
4	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	12.000						
5	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	787.600						
<b>VIII</b>	<b>TTYT huyện Tuy Phước</b>							72.000						
1	Mặt bằng khuôn viên sân bê tông xi măng cho thuê làm Căn tin					Cho thuê	Đầu giá	6.000						
2	Nhà để xe bệnh nhân, thân nhân					Cho thuê	Đầu giá	66.000						
<b>IX</b>	<b>TTYT thị xã An Nhơn</b>							216.752				13.852		
1	Khoa dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	67.602						
2	Nhà để xe cho bệnh nhân					Cho thuê	Đầu giá	149.150						
3	Nhà Trung cao (241 m2)										Thanh lý	7.500		Theo QĐ 445/QĐ-UBND ngày 18/02/2016
4	Nhà vịnh biệt (25 m2)													
5	Nhà hành chính TYT Nhơn Hạnh													
6	Nhà khám bệnh TYT Nhơn Hạnh													
7	Nhà kho TYT Nhơn Hạnh													
8	Nhà vệ sinh TYT Nhơn Hạnh													
9	Nhà xe TYT Nhơn Hạnh													
10	Nhà khám bệnh TYT Nhơn Thọ													
11	Nhà hành chính TYT Nhơn Thọ													
12	Nhà vệ sinh TYT Nhơn Thọ													
13	Nhà xe TYT Nhơn Thọ													
14	Nhà khám bệnh TYT Nhơn Tân													
15	Nhà vệ sinh nam TYT Nhơn Tân													
16	Nhà vệ sinh nữ TYT Nhơn Tân													
17	Nhà xét nghiệm TYT Nhơn Tân													
18	Trạm Y tế xã Nhơn Hạnh											0		Theo QĐ 2083/SYT-KHTC 5/8/2019
19	Trạm Y tế xã Nhơn Phúc											102		Theo QĐ 1185/QĐ-SYT 8/7/2019
20	Nhà khám bệnh và nhà hành chính TYT Nhơn An											0		Theo Biên bản làm việc
21	Nhà kho TYT Nhơn An											0		
22	Trạm Y tế xã Nhơn Lộc													QĐ 2033/QĐ-UBND 9/9/2013
23	Trạm Y tế xã Nhơn Hòa													QĐ 3874/QĐ-UBND 25/10/2019
24	Trạm Y tế xã Nhơn Mỹ													QĐ 4052/QĐ-UBND 31/10/2019
25	Trạm Y tế xã Nhơn Thành													QĐ 3884/QĐ-UBND 25/10/2019
26	Trạm Y tế xã Nhơn Thọ													QĐ 1486/QĐ-UBND 2/4/2018

STT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng	Tài sản (công trình) đầu tư mới bàn giao đưa vào sử dụng		Về bảo trì tài sản		Về khai thác tài sản (Tự khai thác/Cho thuê quyền khai thác/Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản/Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác/Khai thác quỹ đất, mặt nước/phương thức khác)					Về xử lý tài sản			Ghi chú (Văn bản quy phạm pháp luật áp dụng cho nội dung báo cáo/Nội dung khác)
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hình thức bảo trì	Chi phí bảo trì	Phương thức khai thác	Đầu giá/Đầu thầu	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	Số tiền được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích đầu tư	Hình thức xử lý (Thu hồi/Điều chuyển/Bán/Thanh lý/Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại/Hình thức xử lý khác)	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
<b>X</b>	<b>TTYT huyện Phù Cát</b>	<b>353.639</b>	<b>334.116</b>					<b>273.660</b>				<b>11.600</b>		
1	Nhà Căn tin					Cho thuê	Đầu giá	19.260						
2	Nhà để xe cho bệnh nhân tại TTYT huyện Phù Cát					Cho thuê	Đầu giá	218.400						
3	Đất để đặt trụ ATM					Cho thuê	Đầu giá	18.000						
4	Đất để bán quây tạp hoá					Cho thuê	Đầu giá	18.000						
5	Nhà đặt máy phát điện	152.256	146.165											
6	Căn tin bệnh viện	201.383	187.951											
7	Nhà TYT xã Cát Chánh													
8	Nhà hấp tiệt trùng TYT xã Cát Chánh													
9	TYT xã Cát Chánh													
10	TYT xã Cát Sơn													
11	Nhà DS-KHHGD TYT Cát Sơn													
12	Nhà vệ sinh TYT xã Cát Sơn													
<b>XI</b>	<b>TTYT huyện Phù Mỹ</b>							<b>341.600</b>						
1	Nhà khoa Dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	105.800						
2	Nhà giữ xe bệnh nhân					Cho thuê	Đầu giá	235.800						
<b>XII</b>	<b>TTYT thị xã Hoài Nhơn</b>							<b>132.000</b>						
1	Nhà Căn tin					Cho thuê	Đầu giá	24.000						
2	Nhà để xe cho bệnh nhân					Cho thuê	Đầu giá	108.000						
<b>XIII</b>	<b>TTYT huyện Hoài Ân</b>	<b>2.887.436</b>	<b>2.627.396</b>					<b>180.000</b>						
1	Nhà để xe máy					Cho thuê	Đầu giá	180.000						
2	Nhà dân số	325.050	65.010											
3	Nhà đặt máy phát điện dự phòng	151.529	151.529											
4	Trạm Y tế xã Bok Tới	2.410.857	2.410.857											
<b>XIV</b>	<b>TTYT huyện Tây Sơn</b>							<b>358.966</b>						
1	Nhà để xe khách					Cho thuê	Đầu giá	254.966						
2	Nhà dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	52.000						
3	Nhà khám Đa khoa - Hành chính; Nhà kỹ thuật (kính mổ + Xquang + siêu âm) (khoảng trống dưới chân cầu thang)					Cho thuê	Đầu giá	52.000						
<b>XV</b>	<b>TTYT huyện Vĩnh Thạnh</b>	<b>3.842.531</b>	<b>3.227.726</b>					<b>10.200</b>						
1	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	2.400						
2	Nhà dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	7.800						
3	Nhà làm việc Khoa Hồi sức cấp cứu	3.842.531	3.227.726											
	<b>Năm 2019</b>	<b>7.363.926</b>	<b>6.943.108</b>					<b>5.402.107</b>	<b>665.338</b>			<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	
<b>I</b>	<b>Bệnh viện Đa khoa tỉnh</b>							<b>1.574.113</b>						
1	Nhà kỹ thuật nghiệp vụ (Nhà tiền chế diện tích 154 m2) cho thuê làm dịch vụ Tạp hóa					Cho thuê	Đầu giá	1.574.113						
<b>II</b>	<b>Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn</b>							<b>978.260</b>				<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	
1	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	853.080						
2	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	125.180						
3	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	-						
4	Nhà đặt lò đốt rác thải y tế													
<b>III</b>	<b>Bệnh viện Mắt</b>							<b>181.500</b>						
1	Mặt bằng nhà thuốc					Cho thuê	Đầu giá	108.000						
2	Mặt bằng giữ xe					Cho thuê	Đầu giá	49.500						
3	Mặt bằng quây kính					Cho thuê	Đầu giá	24.000						
<b>IV</b>	<b>Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng</b>							<b>67.036</b>						
1	Nhà dinh dưỡng tại Bệnh viện Y học cổ truyền (cũ)					Cho thuê	Đầu giá	40.036						
2	Nhà giữ xe (mặt bằng khuôn viên sân bê tông)					Cho thuê	Đầu giá	27.000						
<b>V</b>	<b>Bệnh viện Lao và Bệnh phổi</b>							<b>112.800</b>						
1	Khoa Dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá							
2	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá							
<b>VI</b>	<b>Bệnh viện Tâm thần</b>							<b>26.400</b>						

QĐ 1720/QĐ-SYT ngày 18/11/2019

STT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng	Tài sản (công trình) đầu tư mới bàn giao đưa vào sử dụng		Về bảo trì tài sản		Về khai thác tài sản (Tự khai thác/Cho thuê quyền khai thác/Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản/Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác/Khai thác quỹ đất, mặt nước/phương thức khác)					Về xử lý tài sản			Ghi chú (Văn bản quy phạm pháp luật áp dụng cho nội dung báo cáo/Nội dung khác)
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hình thức bảo trì	Chi phí bảo trì	Phương thức khai thác	Đầu giá/Đầu thầu	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	Số tiền được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích đầu tư	Hình thức xử lý (Thu hồi/Điều chuyển/Bán/Thanh lý/Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại/Hình thức xử lý khác)	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Nhà khoa dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	20.400						
2	Nhà để xe					Cho thuê	Đầu giá	6.000						
<b>VII</b>	<b>TTYT thành phố Quy Nhơn</b>							<b>927.200</b>						
1	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	60.000						
2	Nhà dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	34.500						
3	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	45.000						
4	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	24.000						
5	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	763.700						
<b>VIII</b>	<b>TTYT huyện Tuy Phước</b>							<b>72.000</b>						
1	Mặt bằng khuôn viên sân bê tông xi măng cho thuê làm Căn tin					Cho thuê	Đầu giá	6.000						
2	Nhà để xe bệnh nhân, thân nhân					Cho thuê	Đầu giá	66.000						
<b>IX</b>	<b>TTYT thị xã An Nhơn</b>							<b>403.100</b>						
1	Khoa dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	72.000						
2	Nhà để xe cho bệnh nhân					Cho thuê	Đầu giá	331.100						
<b>X</b>	<b>TTYT huyện Phù Cát</b>	<b>7.363.926</b>	<b>6.943.108</b>					<b>276.120</b>						
1	Nhà Căn tin					Cho thuê	Đầu giá	21.720						
2	Nhà để xe cho bệnh nhân tại TTYT huyện Phù Cát					Cho thuê	Đầu giá	218.400						
3	Đất để đặt trụ ATM					Cho thuê	Đầu giá	18.000						
4	Đất để bán quầy tạp hoá					Cho thuê	Đầu giá	18.000						
5	Trạm Y tế Cát Sơn	4.207.416	4039119											
6	Trạm Y tế Cát Tường	3.156.510	2903989											
<b>XI</b>	<b>TTYT huyện Phù Mỹ</b>							<b>159.900</b>						
1	Nhà khoa Dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	49.569						
2	Nhà giữ xe bệnh nhân					Cho thuê	Đầu giá	110.331						
<b>XII</b>	<b>TTYT thị xã Hoài Nhơn</b>							<b>132.000</b>						
1	Nhà Căn tin					Cho thuê	Đầu giá	24.000						
2	Nhà để xe cho bệnh nhân					Cho thuê	Đầu giá	108.000						
<b>XIII</b>	<b>TTYT huyện Hoài Ân</b>							<b>154.800</b>						
1	Nhà để xe máy					Cho thuê	Đầu giá	154.800						
<b>XIV</b>	<b>TTYT huyện Tây Sơn</b>							<b>326.678</b>						
1	Nhà để xe khách					Cho thuê	Đầu giá	230.678						
2	Nhà dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	48.000						
3	Nhà khám Đa khoa - Hành chính; Nhà kỹ thuật (khối mổ + Xquang + siêu âm) (khoảng trống dưới chân cầu thang)					Cho thuê	Đầu giá	48.000						
<b>XV</b>	<b>TTYT huyện Vĩnh Thạnh</b>							<b>10.200</b>						
1	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	2.400						
2	Nhà dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	7.800						
	<b>Năm 2020</b>	<b>26.266.744</b>	<b>24.700.135</b>					<b>6.386.217</b>	<b>1.052.174</b>			<b>131</b>	<b>131</b>	
<b>I</b>	<b>Bệnh viện Đa khoa tỉnh</b>							<b>3.247.078</b>						
1	Nhà gara xe ô tô cứu thương (cho thuê cung ứng dịch vụ ăn, uống phục vụ bệnh nhân và CBNV (làm căn tin))					Cho thuê	Đầu giá	1.700.000						
2	Nhà kỹ thuật nghiệp vụ (Nhà tiền chế diện tích 154 m2) cho thuê làm dịch vụ Tập hóa					Cho thuê	Đầu giá	1.547.078						
<b>II</b>	<b>Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn</b>	<b>366.535</b>	<b>317.639</b>					<b>1.022.790</b>				<b>131</b>	<b>131</b>	
1	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	944.070						
2	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	56.720						
3	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	22.000						
4	Nhà tang lễ thị xã Hoài Nhơn	366.535	317.639											
5	Nhà xe nhân viên										Thanh lý	131	131	QĐ 137/QĐ-UBND ngày 11/01/2020
<b>III</b>	<b>Bệnh viện Mát</b>							<b>207.000</b>						
1	Mặt bằng nhà thuốc					Cho thuê	Đầu giá	108.000						
2	Mặt bằng giữ xe					Cho thuê	Đầu giá	68.400						

STT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng	Tài sản (công trình) đầu tư mới bàn giao đưa vào sử dụng		Về bảo trì tài sản		Về khai thác tài sản (Tự khai thác/Cho thuê quyền khai thác/Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản/Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác/Khai thác quỹ đất, mặt nước/phương thức khác)					Về xử lý tài sản			Ghi chú (Văn bản quy phạm pháp luật áp dụng cho nội dung báo cáo/Nội dung khác)
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hình thức bảo trì	Chi phí bảo trì	Phương thức khai thác	Đầu giá/Đầu thầu	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	Số tiền được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích đầu tư	Hình thức xử lý (Thu hồi/Điều chuyển/Bán/Thanh lý/Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại/Hình thức xử lý khác)	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Mặt bằng quỹ kinh					Cho thuê	Đầu giá	30.600						
<b>IV</b>	<b>Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng</b>							-						
1	Nhà dinh dưỡng tại Bệnh viện Y học cổ truyền (cũ)					Cho thuê	Đầu giá	-						
2	Nhà giữ xe (mặt bằng khuôn viên sân bê tông)					Cho thuê	Đầu giá	-						
<b>V</b>	<b>Bệnh viện Lao và Bệnh phổi</b>							67.600						
1	Khoa Dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá							
2	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá							
<b>VI</b>	<b>Bệnh viện Tâm thần</b>							26.400						
1	Nhà khoa dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	20.400						
2	Nhà để xe					Cho thuê	Đầu giá	6.000						
<b>VII</b>	<b>TTYT thành phố Quy Nhơn</b>							663.600						
1	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	-						
2	Nhà dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	13.500						
3	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	33.000						
4	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	-						
5	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	617.100						
<b>VIII</b>	<b>TTYT huyện Tuy Phước</b>							72.000						
1	Mặt bằng khuôn viên sân bê tông xi măng cho thuê làm Căn tin					Cho thuê	Đầu giá	6.000						
2	Nhà để xe bệnh nhân, thân nhân					Cho thuê	Đầu giá	66.000						
<b>IX</b>	<b>TTYT thị xã An Nhơn</b>							246.600						
1	Khoa dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	36.000						
2	Nhà để xe cho bệnh nhân					Cho thuê	Đầu giá	210.600						
<b>X</b>	<b>TTYT huyện Phù Cát</b>	19.734.091	18.944.726					233.620						
1	Nhà Căn tin					Cho thuê	Đầu giá	3.620						
2	Nhà để xe cho bệnh nhân tại TTYT huyện Phù Cát					Cho thuê	Đầu giá	194.900						
3	Đất để đặt trụ ATM					Cho thuê	Đầu giá	16.500						
4	Đất để bán quây tạp hoá					Cho thuê	Đầu giá	18.600						
5	Trạm Y tế xã Cát Hưng	3.675.598	3.528.574											
6	Trạm Y tế xã Cát Hạnh	3.710.300	3.561.888											
7	Phòng khám đa khoa khu vực Cát Minh đơn nguyên 1	4.218.757	4.050.006											
8	Phòng khám đa khoa khu vực Cát Minh đơn nguyên 2	8.129.436	7.804.258											
<b>XI</b>	<b>TTYT huyện Phù Mỹ</b>							106.100						
1	Nhà khoa Dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	32.891						
2	Nhà giữ xe bệnh nhân					Cho thuê	Đầu giá	73.209						
<b>XII</b>	<b>TTYT thị xã Hoài Nhơn</b>							115.000						
1	Nhà Căn tin					Cho thuê	Đầu giá	21.000						
2	Nhà để xe cho bệnh nhân					Cho thuê	Đầu giá	94.000						
<b>XIII</b>	<b>TTYT huyện Hoài Ân</b>	6.166.118	5.437.770					93.400						
1	Nhà để xe máy					Cho thuê	Đầu giá	93.400						
2	Trạm Y tế Ân Phong	1.072.275	857.820											
3	Trạm Y tế Ân Mỹ	1.046.049	920.523											
4	Trạm Y tế Ân Tường Tây	1.062.576	850.060											
5	Trạm Y tế Ân Tường Đông	1.318.218	1.142.367											
6	Trạm Y tế Ân Đắc Mang	1.667.000	1.667.000											
<b>XIV</b>	<b>TTYT huyện Tây Sơn</b>							274.830						
1	Nhà để xe khách					Cho thuê	Đầu giá	199.830						
2	Nhà dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	37.500						
3	Nhà khám Đa khoa - Hành chính; Nhà kỹ thuật (khởi mô + Xquang + siêu âm) (khoang trống dưới chân cầu thang)					Cho thuê	Đầu giá	37.500						
<b>XV</b>	<b>TTYT huyện Vĩnh Thạnh</b>							10.200						
1	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	2.400						
2	Nhà dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	7.800						
	<b>Năm 2021</b>	-	-					5.366.877	-					

STT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng	Tài sản (công trình) đầu tư mới bàn giao đưa vào sử dụng		Về bảo trì tài sản		Về khai thác tài sản (Tự khai thác/Cho thuê quyền khai thác/Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản/Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác/Khai thác quỹ đất, mặt nước/phương thức khác)					Về xử lý tài sản			Ghi chú (Văn bản quy phạm pháp luật áp dụng cho nội dung báo cáo/Nội dung khác)
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hình thức bảo trì	Chi phí bảo trì	Phương thức khai thác	Đầu giá/Đầu thầu	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	Số tiền được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích đầu tư	Hình thức xử lý (Thu hồi/Điều chuyển/Bán/Thanh lý/Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại/Hình thức xử lý khác)	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
<b>I</b>	<b>Bệnh viện Đa khoa tỉnh</b>							3.247.078						
1	Nhà gara xe ô tô cứu thương (cho thuê cung ứng dịch vụ ăn, uống phục vụ bệnh nhân và CBNV (làm căn tin))					Cho thuê	Đầu giá	1.700.000						
2	Nhà kỹ thuật nghiệp vụ (Nhà tiền chế diện tích 154 m2) cho thuê làm dịch vụ Tap hóa					Cho thuê	Đầu giá	1.547.078						
<b>II</b>	<b>Bệnh viện ĐKKV Bông Sơn</b>							593.950						
1	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	418.350						
2	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	64.600						
3	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	111.000						
<b>III</b>	<b>Bệnh viện Mắt</b>							164.200						
1	Mặt bằng nhà thuốc					Cho thuê	Đầu giá	79.200						
2	Mặt bằng giữ xe					Cho thuê	Đầu giá	34.200						
3	Mặt bằng quầy kính					Cho thuê	Đầu giá	50.800						
<b>IV</b>	<b>Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng</b>							-						
1	Nhà dinh dưỡng tại Bệnh viện Y học cổ truyền (cũ)					Cho thuê	Đầu giá	-						
2	Nhà giữ xe (mặt bằng khuôn viên sân bê tông)					Cho thuê	Đầu giá	-						
<b>V</b>	<b>Bệnh viện Lao và Bệnh phổi</b>							67.600						
1	Khoa Dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	-						
2	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	-						
<b>VI</b>	<b>Bệnh viện Tâm thần</b>							13.700						
1	Nhà khoa dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	10.200						
2	Nhà để xe					Cho thuê	Đầu giá	3.500						
<b>VII</b>	<b>Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật</b>							21.000						
1	Phòng khám Đa khoa 87 Lê Hồng Phong (cơ sở 3, tầng 1)					Cho thuê	Đầu giá	21.000						
<b>VIII</b>	<b>TTYT thành phố Quy Nhơn</b>							298.300						
1	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	15.000						
2	Nhà dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	18.000						
3	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	-						
4	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	-						
5	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	265.300						
<b>IX</b>	<b>TTYT huyện Tuy Phước</b>							93.300						
1	Mặt bằng khuôn viên sân bê tông xi măng cho thuê làm Căn tin					Cho thuê	Đầu giá	9.300						
2	Nhà để xe bệnh nhân, thân nhân					Cho thuê	Đầu giá	84.000						
<b>X</b>	<b>TTYT thị xã An Nhơn</b>							226.100						
1	Khoa dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	44.300						
2	Nhà để xe cho bệnh nhân Số 02					Cho thuê	Đầu giá	181.800						
<b>XI</b>	<b>TTYT huyện Phù Cát</b>							107.100						
1	Nhà Căn tin					Cho thuê	Đầu giá	-						
2	Nhà để xe cho bệnh nhân tại TTYT huyện Phù Cát					Cho thuê	Đầu giá	107.100						
<b>XII</b>	<b>TTYT huyện Phù Mỹ</b>							97.000						
1	Nhà khoa Dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	13.250						
2	Nhà giữ xe bệnh nhân					Cho thuê	Đầu giá	83.750						
<b>XIII</b>	<b>TTYT thị xã Hoài Nhơn</b>							71.000						
1	Nhà Căng tin					Cho thuê	Đầu giá	-						
2	Nhà để xe cho bệnh nhân					Cho thuê	Đầu giá	71.000						
<b>XIV</b>	<b>TTYT huyện Hoài Ân</b>							75.500						
1	Nhà để xe máy					Cho thuê	Đầu giá	75.500						
2	Nhà chờ										Thanh lý	0	0	QĐ số 65/QĐ/SYT ngày 14/01/2021
3	Nhà khám bệnh viện đa khoa										Thanh lý	0	0	
4	Trạm thị trấn Tăng Bạt Hổ										Thanh lý	3.966	3.966	QĐ số 1490/QĐ/SYT ngày 14/5/2021
<b>XV</b>	<b>TTYT huyện Tây Sơn</b>							274.830						
1	Nhà để xe khách					Cho thuê	Đầu giá	115.000						

STT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng	Tài sản (công trình) đầu tư mới bàn giao đưa vào sử dụng		Về bảo trì tài sản		Về khai thác tài sản (Tự khai thác/Cho thuê quyền khai thác/Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản/Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác/Khai thác quỹ đất, mặt nước/phương thức khác)					Về xử lý tài sản			Ghi chú (Văn bản quy phạm pháp luật áp dụng cho nội dung báo cáo/Nội dung khác)
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hình thức bảo trì	Chi phí bảo trì	Phương thức khai thác	Đầu giá/Đầu thầu	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	Số tiền được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích đầu tư	Hình thức xử lý (Thu hồi/Điều chuyển/Bán/Thanh lý/Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại/Hình thức xử lý khác)	Số tiền thu được	Số tiền đã nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Nhà dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	50.000						
3	Nhà khám Đa khoa - Hành chính; Nhà kỹ thuật (khối mổ + Xquang + siêu âm) (khoảng trống dưới chân cầu thang)					Cho thuê	Đầu giá	13.000						
<b>XVI</b>	<b>TTYT huyện An Lão</b>							<b>3.600</b>						
1	Nhà để xe					Cho thuê	Đầu giá	-						
2	Nhà dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	3.600						
3	Trạm Y tế xã An Hòa										Thanh lý	0	0	
4	Trạm Y tế xã An Dũng										Thanh lý	0	0	
<b>XVII</b>	<b>TTYT huyện Vĩnh Thạnh</b>							<b>12.620</b>						
1	Mặt bằng sân bê tông					Cho thuê	Đầu giá	2.620						
2	Nhà dinh dưỡng					Cho thuê	Đầu giá	10.000						

**Tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước**

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
(Theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC)												
Cắt giảm hoặc đình hoãn các kế hoạch mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực sự cần thiết, không đúng tiêu chuẩn, định mức (Sở Nông nghiệp và PTNT)									1	288		
Số kinh phí tiết kiệm được do thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản, ứng dụng công nghệ thông tin (số liệu báo cáo kinh phí tiết kiệm được do thực hiện đấu thầu mua sắm phương tiện đi lại)		477		2.618		12		13		13		30
Phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc bị thu hồi do sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng hoặc không sử dụng (Sở Tư pháp)											2	135
Các chỉ tiêu khác do Bộ, ngành, địa phương ban hành												
+ Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc (Sở Y tế)		2.727		1.899		3.779		3.229		2.978		2.127

**Ghi chú:**

- Số liệu về kinh phí tiết kiệm được do thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản, ứng dụng công nghệ thông tin, Sở Tài chính tổng hợp theo các Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí từ năm 2016-2021 của UBND tỉnh cụ thể: Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 28/02/2017, số 12/BC-UBND ngày 27/02/2018, số 22/BC-UBND ngày 26/2/2019, số 23/BC-UBND ngày 27/02/2020, số 27/BC-UBND ngày 05/3/2021 và số 200/BC-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh.

- Các nội dung còn lại Sở Tài chính tổng hợp theo báo cáo của các đơn vị.



## Tình hình mua sắm phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

ĐVT: triệu đồng

Loại tài sản	Tài sản tại thời điểm ngày 01/01/2016		Mua sắm năm 2016		Mua sắm năm 2017		Mua sắm năm 2018		Mua sắm năm 2019		Mua sắm năm 2020		Mua sắm năm 2021	
	Số lượng	NG	Số lượng	NG	Số lượng	NG	Số lượng	NG	Số lượng	NG	Số lượng	NG	Số lượng	NG
Xe ô tô	447	250.985,891	22	24.556,00	15	14.161,29	13	1.096,863	1	666	8	11.551,49		
Phương tiện đi lại khác	87	1.856,723	1	28	2	41	0	0	1	35	0	0	0	0
Máy móc, thiết bị làm việc	244	404.020,611	38	13.117,550	32	36.951,840	20	18.439,262	48	63.574,972	7	13.941,737		
Phương tiện thông tin liên lạc	18	460,131	31	16,3	10	521,236	4	10	6	27,27	5	42,918	8	85

**Ghi chú:**

- Số liệu báo cáo Sở Tài chính tổng hợp và kết xuất từ phần mềm Quản lý tài sản công (xe ô tô và máy móc, thiết bị làm việc trên 500 triệu đồng) và số liệu năm 2021 thì hiện nay Sở Tài chính chưa thể tổng hợp được vì các đơn vị vẫn đang trong thời gian tổng hợp để báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công gửi về Sở Tài chính trước ngày 31/01/2022 theo quy định.

- Đối với các tài sản: Phương tiện đi lại khác và Phương tiện thông tin liên lạc, Sở Tài chính tổng hợp theo số liệu của các đơn vị đã báo cáo.

Tình hình bán, thanh lý tài sản là phương tiện đi lại, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại tài sản	Bán, thanh lý năm 2016		Bán, thanh lý năm 2017		Bán, thanh lý năm 2018		Bán, thanh lý năm 2019		Bán, thanh lý năm 2020		Bán, thanh lý năm 2021	
	Số lượng	Số tiền nộp NSNN	Số lượng	Số tiền nộp NSNN	Số lượng	Số tiền nộp NSNN	Số lượng	Số tiền nộp NSNN	Số lượng	Số tiền nộp NSNN	Số lượng	Số tiền nộp NSNN
Xe ô tô	19		12		6	767,412	27	975,995	41	1.927,136		3.028,521
Phương tiện đi lại khác	7	12,67	90	80,975	83	41,675	110	100,585	4	10,06	5	30,81
Máy móc, thiết bị làm việc	340	22,477	142	19,7	531	14,333	414	39,2	1806	201,406	1449	470,07
Phương tiện thông tin liên lạc	1	1,27	0	0	2	0	3	0	0	0	1	0

**Ghi chú:**

- Số liệu báo cáo Sở Tài chính tổng hợp và kết xuất từ phần mềm Quản lý tài sản công (xe ô tô) và số liệu năm 2021 (số lượng xe ô tô) thì hiện nay Sở Tài chính chưa thể tổng hợp được vì các đơn vị vẫn đang trong thời gian tổng hợp để báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công gửi về Sở Tài chính trước ngày 31/01/2022 theo quy định. Riêng số tiền nộp NSNN từ năm 2018 -2021 (tài sản là xe ô tô), Sở Tài chính tổng hợp theo số liệu do Sở Tài chính theo dõi trên tài khoản tạm giữ tài sản công sau khi trừ đi các chi phí có liên quan và nộp vào NSNN.

- Đối với các tài sản: Phương tiện đi lại khác, Máy móc, thiết bị làm việc và Phương tiện thông tin liên lạc, Sở Tài chính tổng hợp theo số liệu của các đơn vị đã báo cáo (số lượng và số tiền nộp NSNN).

**Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THPT, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc,  
cơ sở hoạt động sự nghiệp; công trình phúc lợi công cộng**

*DVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu  (Theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cắt giảm hoặc đình hoãn các dự án xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp khi chưa hoàn thành việc rà soát, sắp xếp, sử dụng các cơ sở nhà đất, trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị hiện có												
Số kinh phí tiết kiệm được do thực hiện đấu thầu xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp		5.946		7.667		39.522		46.892		108.977		31.788
Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp bị thu hồi do sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng hoặc không sử dụng												
Cắt giảm hoặc đình hoãn các dự án xây dựng công trình phúc lợi công cộng												
Số kinh phí tiết kiệm được do thực hiện đấu thầu xây dựng công trình phúc lợi công cộng												
Công trình phúc lợi công cộng bị thu hồi do sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng hoặc không sử dụng												
Các chỉ tiêu khác do Bộ, ngành, địa phương ban hành												
....												

**Ghi chú:** Số liệu về kinh phí tiết kiệm được do thực hiện đấu thầu xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, Sở Tài chính tổng hợp theo các Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí từ năm 2016-2021 của UBND tỉnh cụ thể: Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 28/02/2017, số 12/BC-UBND ngày 27/02/2018, số 22/BC-UBND ngày 26/2/2019, số 23/BC-UBND ngày 27/02/2020, số 27/BC-UBND ngày 05/3/2021 và số 200/BC-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh.

## Tình hình xử lý tài sản dự án sử dụng vốn nhà nước kết thúc giai đoạn 2016 - 2021

STT	Tên Dự án	Hình thức xử lý (đvt: m <sup>2</sup> , cái, tài sản)			Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc (đvt: triệu đồng)*	Ghi chú
		Giao, điều chuyển	Bán, chuyển nhượng, thanh lý	Xử lý khác		
<b>1</b>	<b>Dự án Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai Việt Nam (Dự án VLAP)</b>					
	- Nhà, đất:					
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)	1				
	- Tài sản khác (tài sản)	905				
<b>2</b>	<b>Dự án Hỗ trợ Y tế dự phòng – ADB</b>					
	- Nhà, đất:					
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	12				
<b>3</b>	<b>Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững (CRSD) tỉnh Bình Định</b>					
	- Nhà, đất:					
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)	Chưa xử lý xong				
	- Tài sản khác (tài sản)	948				
<b>4</b>	<b>Dự án Phát triển ngành lâm nghiệp kết thúc</b>					
	- Nhà, đất:					
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)	62				
	- Tài sản khác (tài sản)	413				
<b>5</b>	<b>Dự án Năng lượng nông thôn II (RE II)</b>					
	- Nhà, đất:					
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	30				
<b>6</b>	<b>Dự án phát triển ngành Lâm nghiệp (WB3)</b>					
	- Nhà, đất:					
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái):					
	+ Xe ô tô	Chưa xử lý xong				
	+ Xe máy	62				
	- Tài sản khác (tài sản)	413				
<b>7</b>	<b>Dự án cấp nước sạch và VSMTNT vùng Miền Trung (ADB)</b>					
	- Nhà, đất:					
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)	1				
	- Tài sản khác (tài sản)	Chưa xử lý xong				

STT	Tên Dự án	Hình thức xử lý (đvt: m <sup>2</sup> , cái, tài sản)			Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc (đvt: triệu đồng)*	Ghi chú
		Giao, điều chuyển	Bán, chuyển nhượng, thanh lý	Xử lý khác		
<b>8</b>	<b>Nhà điều trị 300 giường</b>					<b>Bệnh viện đa khoa tỉnh</b>
	- Nhà, đất:	12.270				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	1.227				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	11.043				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>9</b>	<b>Nhà mổ</b>					
	- Nhà, đất:	10.866				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	1.811				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	9.055				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>10</b>	<b>Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải BVĐK tỉnh Bình Định</b>					
	- Nhà, đất:	2.211				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	1.106				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	1.106				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>11</b>	<b>Trạm biến áp</b>					<b>Bệnh viện Lao và Bệnh phổi</b>
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 trạm				
<b>12</b>	<b>Máy phát điện dự phòng</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 máy				
<b>13</b>	<b>Nhà câu lạc bộ bệnh nhân</b>					
	- Nhà, đất:	443				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	443				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>14</b>	<b>Gara ô tô + Nhà kho</b>					
	- Nhà, đất:	56				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	56				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>15</b>	<b>Hệ thống điện ngoài nhà</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 hệ thống				

STT	Tên Dự án	Hình thức xử lý (đvt: m <sup>2</sup> , cái, tài sản)			Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc (đvt: triệu đồng)*	Ghi chú
		Giao, điều chuyển	Bán, chuyển nhượng, thanh lý	Xử lý khác		
<b>16</b>	<b>Bể nước ngầm cứu hỏa; Hệ thống cấp nước ngoài nhà</b>					<b>Bệnh viện Lao và Bệnh phổi</b>
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 bể nước + hệ thống				
<b>17</b>	<b>Cải tạo khoa HIV/AIDS + Điều trị kháng thuốc</b>					
	- Nhà, đất:	255				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	255				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>18</b>	<b>San nền, sân vườn, hệ thống thoát nước mưa</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 hệ thống				
<b>19</b>	<b>Khoa điều trị bệnh nhân ổn định</b>					<b>Bệnh viện Tâm thần</b>
	- Nhà, đất:	1.000				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	1.000				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>20</b>	<b>Trạm biến áp</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 trạm				
<b>21</b>	<b>Máy phát điện dự phòng</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 máy				
<b>22</b>	<b>Khoa Phục hồi chức năng + Hành lang cầu nổi</b>					
	- Nhà, đất:	540				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	540				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>23</b>	<b>Nhà đặt máy phát điện dự phòng</b>					
	- Nhà, đất:	14				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	14				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					

STT	Tên Dự án	Hình thức xử lý (đvt: m <sup>2</sup> , cái, tài sản)			Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc (đvt: triệu đồng)*	Ghi chú
		Giao, điều chuyển	Bán, chuyển nhượng, thanh lý	Xử lý khác		
<b>24</b>	<b>Hệ thống điện ngoài nhà</b>					Bệnh viện Tâm thần
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 hệ thống				
<b>25</b>	<b>Cải tạo Nhà hành chính</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>26</b>	<b>San nền, sân vườn, hệ thống thoát nước mưa</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>27</b>	<b>Hệ thống cấp, thoát nước ngoài nhà; Bể nước ngầm và cấp nước cứu hỏa</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>28</b>	<b>Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải BVĐK KV Bồng Sơn</b>					Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn
	- Nhà, đất:	125				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	125				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 Hệ thống				
<b>29</b>	<b>Sửa chữa, Cải tạo Nhà vệ sinh</b>					
	- Nhà, đất:	544				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	544				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>30</b>	<b>Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, hạng mục Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp khoa Khám - cấp cứu thành Khoa Nội tổng hợp</b>					
	- Nhà, đất:	1.451				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	1.451				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	15				
<b>31</b>	<b>Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, hạng mục Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp khoa phụ sản, khoa nhi, khoa xét nghiệm cũ thành đơn nguyên cấp cứu nhi và nhi sơ sinh; Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp khoa hồi sức cấp cứu thành khu hồi tỉnh sau mổ và hành lang chính</b>					
	- Nhà, đất:	2.271				

STT	Tên Dự án	Hình thức xử lý (đvt: m <sup>2</sup> , cái, tài sản)			Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc (đvt: triệu đồng)*	Ghi chú
		Giao, điều chuyển	Bán, chuyển nhượng, thanh lý	Xử lý khác		
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	2.271				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	60				
<b>32</b>	<b>Khoa Dược + CNK</b>					Bệnh viện Y học Cổ truyền và Phục hồi chức năng
	- Nhà, đất:	1.315				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	1.315				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>33</b>	<b>Máy phát điện dự phòng</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 máy				
<b>34</b>	<b>Nhà đặt máy phát điện dự phòng</b>					
	- Nhà, đất:	20				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	20				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>35</b>	<b>Hành lang cầu nối</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 hành lang				
<b>36</b>	<b>Nhà Điều trị 251 giường</b>					TTYT thành phố Quy Nhơn
	- Nhà, đất:	10.225				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	1.060				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	9.165				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>37</b>	<b>Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện Đa khoa thành phố Quy Nhơn</b>					
	- Nhà, đất:	524				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	262				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	262				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>38</b>	<b>Cải tạo Khoa Dược</b>					
	- Nhà, đất:	289				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	289				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>39</b>	<b>Tường rào, cổng ngõ, nhà để xe bệnh nhân, nhà để xe nhân viên, gara ô tô, kho xương và nhà bảo vệ</b>					



STT	Tên Dự án	Hình thức xử lý (đvt: m <sup>2</sup> , cái, tài sản)			Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc (đvt: triệu đồng)*	Ghi chú
		Giao, điều chuyển	Bán, chuyển nhượng, thanh lý	Xử lý khác		
	- Nhà, đất:	644				TTYT huyện Tuy Phước
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	644				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>40</b>	<b>Phòng khám đa khoa khu vực Phước Hòa</b>					
	- Nhà, đất:	280				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	280				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>41</b>	<b>Đài nước, bể nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt cứu hỏa ngoài nhà</b>					
	- Nhà, đất:	160				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	160				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>42</b>	<b>Máy phát điện dự phòng 100KVA</b>					TTYT thị xã An Nhơn
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 máy				
<b>43</b>	<b>Kho xưởng</b>					
	- Nhà, đất:	190				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	190				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>44</b>	<b>Nhà tang lễ</b>					
	- Nhà, đất:	190				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	190				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>45</b>	<b>Nhà Y tế dự phòng + Kế hoạch hóa gia đình</b>					
	- Nhà, đất:	480				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	480				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>46</b>	<b>Khoa lây (Khoa truyền nhiễm)</b>					
	- Nhà, đất:	824				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	824				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					

STT	Tên Dự án	Hình thức xử lý (đvt: m <sup>2</sup> , cái, tài sản)			Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc (đvt: triệu đồng)*	Ghi chú
		Giao, điều chuyển	Bán, chuyển nhượng, thanh lý	Xử lý khác		
<b>47</b>	<b>Đài nước, bể nước, hệ thống cấp nước ngoài nhà</b>					TTYT thị xã An Nhơn
	- Nhà, đất:	1.106				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	1.106				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 cái				
<b>48</b>	<b>Sân, đường nội bộ và Nhà để xe</b>					
	- Nhà, đất:	429				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	429				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	10.500 m2				
<b>49</b>	<b>Trạm biến áp 400KVA</b>					TTYT huyện Phù Cát
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 trạm				
<b>50</b>	<b>Khoa Ngoại + Liên chuyên khoa</b>					
	- Nhà, đất:	1.062				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	1.062				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>51</b>	<b>Nhà mổ</b>					
	- Nhà, đất:	495				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	495				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>52</b>	<b>Khoa Hồi sức cấp cứu</b>					
	- Nhà, đất:	400				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	400				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>53</b>	<b>Hành lang cầu nối</b>					
	- Nhà, đất:	1.343				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	1.343				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>54</b>	<b>Xây dựng mới Phòng khám đa khoa khu vực Cát Minh</b>					
	- Nhà, đất:	2.656				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	2.121				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	535				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					

STT	Tên Dự án	Hình thức xử lý (đvt: m <sup>2</sup> , cái, tài sản)			Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc (đvt: triệu đồng)*	Ghi chú
		Giao, điều chuyển	Bán, chuyển nhượng, thanh lý	Xử lý khác		
<b>55</b>	<b>Kho xường</b>					TTYT huyện Phù Mỹ
	- Nhà, đất:	206				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	103				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	103				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>56</b>	<b>Nhà tang lễ</b>					
	- Nhà, đất:	200				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	100				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	100				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>57</b>	<b>Hệ thống cấp điện</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 hệ thống				
<b>58</b>	<b>Bể nước sinh hoạt, bể nước cứu hỏa và hệ thống cấp nước cứu hỏa ngoài nhà</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 hệ thống				
<b>59</b>	<b>Khoa Xét nghiệm + Chẩn đoán hình ảnh (Cải tạo từ nhà kỹ thuật 02 tầng)</b>					
	- Nhà, đất:	943				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	314				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	629				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>60</b>	<b>Nâng nền mặt bằng; Hệ thống giao thông và Hệ thống thoát nước mưa</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 hệ thống				
<b>61</b>	<b>Khoa Truyền nhiễm</b>					
	- Nhà, đất:	903				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	301				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	602				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>62</b>	<b>Mở rộng Khu Điều trị bệnh nhân và các Hạng mục phụ trợ</b>					TTYT huyện Hoài Nhơn
	- Nhà, đất:	16.874				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	8.563				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	8.311				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	83				

STT	Tên Dự án	Hình thức xử lý (đvt: m <sup>2</sup> , cái, tài sản)			Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc (đvt: triệu đồng)*	Ghi chú
		Giao, điều chuyển	Bán, chuyển nhượng, thanh lý	Xử lý khác		
<b>63</b>	<b>Trạm biến áp 400KVA</b>					TTYT huyện Hoài Ân
	- Nhà, đất:		-			
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 Trạm				
<b>64</b>	<b>Khoa Dinh dưỡng</b>					
	- Nhà, đất:	470				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	470				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>65</b>	<b>Khoa Truyền nhiễm</b>					
	- Nhà, đất:	359				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	359				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>66</b>	<b>Tường rào, cổng ngõ, nhà bảo vệ</b>					
	- Nhà, đất:	500				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	500				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>67</b>	<b>Cải tạo, nâng cấp khu phẫu thuật thành Khoa Xét nghiệm + Chẩn đoán hình ảnh</b>					
	- Nhà, đất:	777				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	259				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	518				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>68</b>	<b>Khoa Phẫu thuật</b>					
	- Nhà, đất:	452				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	452				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>69</b>	<b>Đài nước 30m3, nhà đặt trạm bơm và hệ thống cấp nước ngoài nhà</b>					
	- Nhà, đất:	30				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	30				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 đài nước				
<b>70</b>	<b>Điện chiếu sáng ngoài nhà</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 hệ thống				

STT	Tên Dự án	Hình thức xử lý (đvt: m <sup>2</sup> , cái, tài sản)			Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc (đvt: triệu đồng)*	Ghi chú
		Giao, điều chuyển	Bán, chuyển nhượng, thanh lý	Xử lý khác		
<b>71</b>	<b>Khoa Dược + Xét nghiệm</b>					TTYT huyện An Lão
	- Nhà, đất:	673				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	673				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>72</b>	<b>Cải tạo Khoa Phẫu thuật - Hồi sức cấp cứu</b>					
	- Nhà, đất:	1.472				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	1.472				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>73</b>	<b>Hành lang cầu</b>					
	- Nhà, đất:	343				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	343				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>74</b>	<b>Điện chiếu sáng ngoài nhà</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 hệ thống				
<b>75</b>	<b>Trạm biến áp</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 Trạm				
<b>76</b>	<b>Máy phát điện dự phòng</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 máy				
<b>77</b>	<b>Khoa Nội A+Đông Y+LCK</b>					
	- Nhà, đất:	450				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	450				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>78</b>	<b>Khoa Hồi sức cấp cứu</b>					TTYT huyện Vĩnh Thạnh
	- Nhà, đất:	729				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	729				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					

STT	Tên Dự án	Hình thức xử lý (đvt: m <sup>2</sup> , cái, tài sản)			Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc (đvt: triệu đồng)*	Ghi chú
		Giao, điều chuyển	Bán, chuyển nhượng, thanh lý	Xử lý khác		
<b>79</b>	<b>Tường rào công ngõ; Nhà thường trực bảo vệ; Gara ô tô; Nhà để xe nhân viên; Nhà để xe người nhà bệnh nhân</b>					TTYT huyện Văn Canh
	- Nhà, đất:	609				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	304				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	304				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>80</b>	<b>Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức</b>					
	- Nhà, đất:	680				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	340				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	340				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>81</b>	<b>Trạm biến áp 400KVA</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 trạm				
<b>82</b>	<b>Khoa Dược</b>					
	- Nhà, đất:	1.452				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	726				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	726				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>83</b>	<b>Nhà đặt máy phát điện dự phòng</b>					
	- Nhà, đất:	34				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	17				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	17				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>84</b>	<b>Nhà tang lễ</b>					
	- Nhà, đất:	196				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	98				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	98				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>85</b>	<b>Máy phát điện dự phòng</b>					
	- Nhà, đất:	722				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	361				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	361				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 máy				
<b>86</b>	<b>Điện chiếu sáng ngoài nhà</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					

STT	Tên Dự án	Hình thức xử lý (đvt: m <sup>2</sup> , cái, tài sản)			Số tiền thu được từ xử lý tài sản dự án kết thúc (đvt: triệu đồng)*	Ghi chú
		Giao, điều chuyển	Bán, chuyển nhượng, thanh lý	Xử lý khác		
	- Tài sản khác (tài sản)	1 hệ thống				TTYT huyện Vân Canh
<b>87</b>	<b>Khoa Liên chuyên khoa</b>					
	- Nhà, đất:	681				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	340				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	340				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>88</b>	<b>Hệ thống giao thông; Đắp đất mặt bằng tổng thể</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	1 hệ thống				
<b>89</b>	<b>Khoa Nội A + Đông Y</b>					
	- Nhà, đất:	1.827				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )	609				
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	1.218				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>90</b>	<b>Trung tâm Y tế huyện Vân Canh - Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà điều trị Nội - Nhi và Nhà xét nghiệm - Xquang</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>91</b>	<b>Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải BVĐK KV Phú Phong</b>					TTYT huyện Tây Sơn
	- Nhà, đất:	69				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	69				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>92</b>	<b>Nhà làm việc khối YTDP - TTYT huyện Tây Sơn</b>					
	- Nhà, đất:	940				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )	940				
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)					
<b>93</b>	<b>Sửa chữa, Cải tạo Nhà vệ sinh</b>					
	- Nhà, đất:	-				
	+ Đất (m <sup>2</sup> )					
	+ Nhà (m <sup>2</sup> )					
	- Ô tô, phương tiện đi lại (cái)					
	- Tài sản khác (tài sản)	ghi tăng giá trị là 7.254 triệu đồng				

**Ghi chú:** Ngoài ra, theo báo cáo của Sở Y tế có 02 dự án chưa hoàn thành gồm Dự án Mở rộng Bệnh viện Mắt giai đoạn 2021-2023 (giai đoạn 1) và Dự án Sửa chữa, cải tạo khoa lao, khoa bệnh phổi, khoan chẩn đoán hình ảnh-xét nghiệm - giai đoạn 2021-2023 nên chưa có số liệu để báo cáo